

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án ĐTXD các tuyến đường gom để giảm ùn tắc giao thông tại khu vực nút giao QL.1A - QL.38, thành phố Bắc Ninh (giai đoạn 1)

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19.6.2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18.6.2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18.6.2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18.6.2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31.12.2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 32/2015/NĐ-CP ngày 12.05.2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13.9.2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10.9.2015; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31.12.2015, số 161/2016/NĐ-CP ngày 02.12.2016; số 32/2015/NĐ-CP ngày 12.05.2015;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30.6.2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Nghị Quyết số 131/TT-HĐND18 ngày 03/10/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm B và nhóm C trọng điểm;

Xét đề nghị của UBND thành phố Bắc Ninh tại Tờ trình số 906/TTr-DA ngày 29.10.2018; của Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo thẩm định số 2185/SGTVT-QLCL ngày 29.10.2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án ĐTXD các tuyến đường gom để giảm ùn tắc giao thông tại khu vực nút giao QL.1A - QL.38, thành phố Bắc Ninh (giai đoạn 1) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án ĐTXD các tuyến đường gom để giảm ùn tắc giao thông tại khu vực nút giao QL.1A - QL.38, thành phố Bắc Ninh (giai đoạn 1).

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh.

3. Nhóm dự án, loại cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông, cấp III.

4. Địa điểm xây dựng: thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

5. Quy mô:

Tổng chiều dài tuyến: L=3.924,42m, gồm 02 tuyến chính và 05 tuyến nhánh.

- Nền, mặt đường cấp cao A1, vỉa hè, cây xanh;

- Hệ thống tuynel kỹ thuật;
- Hệ thống điện chiếu sáng,
- Hệ thống thoát nước;
- Hệ thống an toàn giao thông đồng bộ theo quy định.

6. Các giải pháp, thông số kỹ thuật chủ yếu:

6.1. Trắc dọc: Khống chế theo cao độ quy hoạch được duyệt, cao độ tại các điểm giao cắt với các tuyến đường, các công trình kiên cố hiện trạng.

6.2. Trắc ngang:

- Tuyến T1 (đoạn từ đầu tuyến đến đảo tròn giao với tuyến T2) có chiều dài khoảng 421m, mặt cắt ngang đường rộng $B_n=16m$ ($0,5+7,0+1,0+7,0+0,5$)m. Trong đó mặt đường rộng 14m ($2 \times 7,0$)m, dải phân cách giữa rộng 1,0m, lề đường rộng 1,0m ($2 \times 0,5$)m; Đoạn từ đảo tròn giao với T2 đến cuối tuyến có chiều dài khoảng 596m, mặt cắt ngang đường rộng $B_n=16m$ ($5,0+10,5+0,5$)m. Trong đó: Mặt đường rộng 10,5m, hè trái rộng 5,0m, lề phải rộng 0,5m.

- Tuyến T2 có mặt cắt ngang đường rộng $B_n=16m$ ($0,5+10,5+5,0$)m. Trong đó: Mặt đường rộng 10,5m, hè phải rộng 5,0m, lề trái rộng 0,5m.

- Các tuyến nhánh có mặt cắt ngang đường rộng $B_n=8,0m$ ($0,5+7,0+0,5$)m, Trong đó: Mặt đường rộng 7,0m, lề đường rộng 0,5m, dải phân cách giữa rộng 0,5m.

- Đảo tròn thuộc tuyến chính 1 và kết nối với tuyến chính 2 thiết kế riêng biệt theo quy hoạch được duyệt.

6.3. Nền đường:

- Nền đường được thiết kế đắp bằng cát đen đầm chặt K95, 30cm ngay phía dưới lớp kết cấu áo đường lu lèn đạt độ chặt từ K98. Đắp bao taluy bằng đất tận dụng dày 1,0m. Trước khi đắp, nền đường đào bỏ lớp đất yếu (bùn ao, đất hữu cơ), chiều dày đào hữu cơ nền đường trung bình 0,5m (trường hợp gặp nền đất yếu phải có biện pháp xử lý phù hợp, hiệu quả).

6.4. Mặt đường:

- Mặt đường cấp cao A1 với module đàn hồi $E_y/c \geq 155Mpa$, gồm các lớp sau:

- | | |
|--------------------------------|------------------------|
| + Bê tông nhựa chặt 12,5 dày: | 5cm; |
| + Tưới nhũ tương dính bám: | 0,5kg/m ² ; |
| + Bê tông nhựa chặt 19 dày: | 7cm; |
| + Tưới nhựa thấm bám: | 0,5kg/m ² ; |
| + Cấp phối đá dăm loại I dày: | 15 cm; |
| + Cấp phối đá dăm loại II dày: | 40 cm. |

- Phạm vi làn chuyển tốc đầu nối với QL.1A có module đàn hồi $E_y/c \geq 155Mpa$ như trên.

6.5. Phân bố vỉa giải phân các giữa, đảo giao thông; vỉa hè, cây xanh:

- Bó vỉa hè BT M200 kích thước (18x26x100)cm đúc sẵn; đoạn cong dùng loại kích thước (18x26x25)cm; móng vỉa bằng BT M150 dày 10cm, lán VXM M100 dày 2cm. Tại những vị trí giao cắt với các đường ngang vuốt nối bán kính rẽ (bán kính bó vỉa), $R \geq 7,5m$.

- Tấm đan rãnh biên BTXM M200 đúc sẵn, kích thước (50x30x5)cm; móng rãnh biên BTXM M150 dày 10cm, lán VXM M100 dày 2cm.

- Bó vỉa dải phân cách và đảo giao thông sử dụng loại bó vỉa BTX M200, kích thước (18x53x100)cm. Móng vỉa BT M150 dày 10cm, lán VXM M100 dày 2cm.

- Kết cấu vỉa hè: Lát vỉa hè bằng block xi măng tự chèn dày 6cm, móng cát gia cố 6% xi măng đầm chặt dày 5cm.

- Cây xanh: Khoảng cách các cây trung bình 10m. Hồ trồng cây xây gạch vữa xi măng M75, lát gạch lá dừa. Kích thước hồ trồng cây (1,2x1,2)m.

6.6. Thiết kế công trình thoát nước:

- Thoát nước dọc:

+ Đoạn tuyến T1 và T2 sử dụng cống tròn D1000 được bố trí dọc dưới hè đường.

+ Bố trí cống tròn D800 phục vụ cho việc tiêu thoát nước trong đảo và hệ thống rãnh B400 dọc để thu nước mặt trong đảo.

+ Đế cống bằng BTXM cốt thép, đặt 3đế/ống với cống dài 2,5m/ống.

+ Hồ ga xây gạch VXM M75, bản đáy BTCT M200, dày 10cm. Móng ga bằng BT M150 trên đá dăm đệm dày 10cm đầm chặt.

- Thoát nước ngang: Hệ thống cống ngang sử dụng cống tròn BTCT M300, đường kính D600÷D2000, chiều dài 2,5m/ống, lắp đặt 4đế/ống, móng cống đệm đá dăm dày 10cm, móng đầu cống đổ bê tông M150 đá 2x4, tường đầu, tường cánh, sân cống xây đá hộc VXM M100.

6.7. Công trình phòng hộ, cọc tiêu, vạch sơn, biển báo:

- Tại lề đường của các tuyến nhánh N1, N2, N3, N4 và đoạn từ đầu tuyến T1 đến đảo tròn bố trí tôn lượn sóng cách mép lề đường khoảng 25cm. Tôn lượn sóng loại cột tròn, tấm đầu được uốn tròn. Module đầu cắm xuống đất để giảm nguy cơ mất ATGT.

- Bố trí hệ thống vạch sơn, biển báo: thiết kế theo QCVN41:2016/BGTVT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

6.8. Ống kỹ thuật:

- Dọc hè bên trái tuyến T1 và bên phải tuyến T2 bố trí đường ống xoắn cường độ cao HPDE D12,5cm. Những vị trí ngang qua đường sử dụng hào kỹ thuật BTCT đúc sẵn KT(60x40)cm.

- Hồ ga xây tường gạch XM M100# bằng VXM M75, bên trong trát VXM M75 dày 1,5cm. Móng hồ ga đổ bê tông M150 đá 2x4 trên lớp cát đen đệm dày 10cm. Hồ ga được đáy bằng tấm đan BTCT M200 đá 1x2.

6.9. Hệ thống chiếu sáng:

- Tuyến đường T1 có bề rộng 16m (2x7+1+2x0,5)m, bố trí chiếu sáng ở giữa giải phân cách, khoảng cách trung bình 40m, đèn được lắp trên cột thép tròn côn rời cần đôi cao 7m, cần cao 2m, độ vươn xa 1,5m, treo đèn ở độ cao 9m, lắp 01 choá đèn phân bố ánh sáng bán rộng 120W.

- Tuyến đường T2 có bề rộng 16m (0,5+10,5+5,0)m bố trí chiếu sáng bên hè đường, khoảng cách trung bình 35m, đèn được lắp trên cột thép tròn côn rời cần đơn cao 9m, cần cao 2m, độ vươn xa 1,5m, treo đèn ở độ cao 11m, lắp 01 choá đèn phân bố ánh sáng bán rộng 150W.

- Các tuyến nhánh có bề rộng 8m (7+2x0,5)m, bố trí chiếu sáng bên giải phân cách, khoảng cách trung bình 40m, đèn được lắp trên cột thép tròn côn rời cần đơn cao 7m, cần cao 2m, độ vươn xa 1,5m, treo đèn ở độ cao 9m, lắp 01 choá đèn phân bố ánh sáng bán rộng 120W.

- Khu vực đảo tròn đầu tuyến 2 lắp cột đèn cao 17m có lọng bắt 8 đèn pha led công suất mỗi đèn là 400w.

- Phương án cấp nguồn, dây cáp điện:

+ Xây dựng mới trạm biến áp 50KVA-35(22)/0,4KV để cấp điện cho hệ thống chiếu sáng của tuyến đường. Nguồn cấp từ cột trạm biến áp số 15 DZ372E72. Tại vị trí cột 02 lắp đặt bộ cầu chì cắt tải LBFCO bảo vệ tuyến cáp và các giá đỡ kèm theo. Dây từ cột điểm đầu đến TBA xây dựng mới sử dụng dây ACSR 50/8 – 35kV.

+ Hệ thống điện chiếu sáng được cấp nguồn từ tủ điện hạ thế của trạm biến áp. Sử dụng cáp đồng chủng loại Cu /XLpe/Pvc/Dsta/Pvc - 0,6/1kV có tiết diện (4x16) mm² cấp cho các cột đèn. Sử dụng dây đồng Cu /PVC/PVC 0,6/1kV có tiết diện 2x2,5mm² làm dây lên đèn.

7. Tổng mức đầu tư : **129.993.065.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB:	44.708.944.000	đồng;
- Chi phí Xây dựng:	69.093.602.000	đồng;
- Chi phí QLDA:	1.444.474.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.845.710.000	đồng;
- Chi phí khác:	4.173.367.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	6.726.968.000	đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh (50% tổng mức đầu tư của dự án), ngân sách thành phố (từ nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất) và các nguồn vốn khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018-2022.
2. Phân chia gói thầu: Căn cứ vào nguồn vốn bố trí cho công trình Chủ đầu tư triển khai thực hiện theo quy định.
3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo quy định của Pháp luật hiện hành.
4. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Tổ chức thực hiện dự án theo các quy định hiện hành. Hoàn thiện một số nội dung của dự án theo Báo cáo thẩm định số 2185/SGTVT-QLCL ngày 29.10.2018 của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; UBND thành phố Bắc Ninh; Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN&XDCB, KTTH; CVP, các P.CVP.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Thành